

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06-05-2020.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Cứ

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 802/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành M, sinh năm 1983. Địa chỉ: tổ 12, ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “Vắng mặt”

Bị đơn: Chị Trần Thị Hoàng D, sinh năm 1990. Địa chỉ: tổ 12, ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn-Anh Nguyễn Thành M trình bày: Anh và Chị Trần Thị Hoàng D chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, Chị D có quan hệ tình cảm không rõ ràng với người đàn ông khác. Tháng 10/2019 anh báo Công an xã về việc bị mất 15.000.000 đồng, khi Công an đến làm việc thì Chị D thừa nhận dựng hiện trường giả để lấy số tiền trên. Ngày 14/10/2019 Chị D bỏ nhà đi và không cung cấp địa chỉ mới cho anh và gia đình,

vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục quay về chung sống với nhau được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Trần Thị Hoàng D.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Trần Thảo Vsinh ngày 07/3/2010; Nguyễn Trần Hương T, sinh ngày 11/01/2013; Nguyễn Trần Hoàng K sinh ngày 24/12/2015, hiện đang sống chung với anh. Anh yêu cầu nuôi ba con chung, không yêu cầu Chị D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Bị đơn Chị Trần Thị Hoàng D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không gửi cho Tòa án biên bản nêu ý kiến nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh M, xử cho Anh Nguyễn Thành M được ly hôn với Chị Trần Thị Hoàng D. Về con chung: Đề nghị giao 03 con chung cho Anh M nuôi dưỡng, Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có. Anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị D đã bỏ địa phương đi, không cung cấp địa chỉ nơi ở mới cho Anh M và Tòa án, nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng xét xử hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng Chị D vắng mặt không có lý do. Ngày 06/4/2020 nguyên đơn Anh M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Anh M, Chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh M, Chị D chung sống và đăng ký kết hôn ngày 13/5/2009 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh tây Ninh, đây là quan hệ hôn

nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm, thường hay gây gỗ, cự cãi, không cùng nhau bàn bạc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Chị D có quan hệ không rõ ràng với người đàn ông khác và lừa dối chồng về chuyện tiền bạc, mặc dù chị đã làm cam kết nhưng không thực hiện khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ khi bỏ nhà đi đến nay Chị D không về nhà, không quan tâm đến chồng con, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác minh địa phương, Công an xác nhận có sự việc Chị D dựng hiện trường giả để lấy tiền như trình bày trên và Chị D bỏ nhà đi từ ngày 13/10/2019 cho đến nay.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Anh M, Chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Anh M, xử cho anh được ly hôn với Chị D là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Từ khi Chị D bỏ đi đến nay cháu V, cháu T, cháu K trực tiếp sống chung với Anh M, tâm tư tình cảm các cháu gắn liền với Anh M, Anh M rất quan tâm đến cuộc sống và việc học hành của các cháu. Tòa án tiến hành ghi lời khai cháu T và cháu V có nguyện vọng được sống chung với cha. Cháu K hiện còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của cha, ngược lại Chị D bỏ đi không quan tâm chăm sóc con cái. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Anh M, giao cháu V, cháu T, cháu K cho Anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, là phù hợp Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp tâm tư nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh M khai không yêu cầu giải quyết, về nợ chung Anh M khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình tham gia tố tụng Chị D không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp các chứng cứ chứng minh, phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Anh M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Thành M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành M được ly hôn với Chị Trần Thị Hoàng D.

2. Về con chung: Giao ba con chung là Nguyễn Trần Thảo V, sinh ngày 07/3/2010; Nguyễn Trần Hương T, sinh ngày 11/01/2013; Nguyễn Trần Hoàng K, sinh ngày 24/12/2015 cho Anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do Anh M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thành M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006576 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh M đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã Phước Vĩnh;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu